

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2018

“Về việc Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thùy Trang
2. Ông Đỗ Minh Tân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/3/2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tiến hành công khai xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2018 về việc “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị H – sinh năm 1966

Địa chỉ: số 376, tổ 5, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Trần Văn L – sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, trình bày:

Vào năm 1990 Chị và anh Trần Văn L, có quen biết nhau rồi tiến tới hôn nhân, nhưng không có đăng ký kết hôn, Chị H, anh L chung sống với nhau hạnh phúc được 28 năm, sinh được 01 người con tên: Trần Thị Kim T – sinh ngày 21/4/1992 hiện có gia đình sống bên nhà chồng. Đến năm 2015 chị H và anh L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không quan tâm đến gia đình, thường xuyên ở bên ngoài, khi về nhà kiểm chuyện gia đình, cự cãi nhau, nhiều lần chị H khuyên bảo nhưng anh L không sửa chữa. Chị H xét thấy cuộc sống hôn nhân không

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H quyết định xin ly hôn với anh Trần Văn L.

- **Về con chung** : Có 01 người con tên Trần Thị Kim T – sinh ngày 21/4/1992 hiện có gia đình sống bên nhà chồng.

- Về tài sản chung: chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn: anh Trần Văn L, trình bày: Vào năm 1990, anh và chị Nguyễn Thị H, có quen biết nhau rồi tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn, anh L, chị H chung sống với nhau hạnh phúc và sinh được 01 người con tên: Trần Thị Kim T – sinh ngày 21/4/1992 hiện có gia đình sống bên nhà chồng. Đến năm 2015 anh và chị H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H thường xuyên đi chơi với bạn bè, không quan tâm đến gia đình, khi về nhà kiểm chuyện gia đình, cự cãi nhau, nhiều lần anh L khuyên bảo nhưng chị H không sửa chữa. Anh L xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh L quyết định xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- **Về con chung** : Có 01 người con tên Trần Thị Kim T – sinh ngày 21/4/1992 hiện có gia đình sống bên nhà chồng.

- Về tài sản chung: chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng qui định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng về phiên toà sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Tại phiên toà Kiểm sát Viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H với anh Trần Văn L. Xét thấy việc đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh L chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị H và anh L sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và khoảng năm 2017 chị H và anh L sống ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm giữa chị H và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh L, anh L đồng ý.

Theo Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.... ”

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình qui định:

“ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo qui định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này... ”

Xét thấy chị H và anh L sống chung với nhau như vợ chồng đến năm 2017, tính đến nay đã có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị H và anh L, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L.

[2] Về con chung: Có 01 người con tên Trần Thị Kim T – sinh ngày 21/4/1992 hiện có gia đình sống bên nhà chồng.

[3] Về tài sản chung: chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, Chị H và anh L phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa: Nguyễn Thị H với Trần Văn L.

- Về con chung: Có 01 người tên Trần Thị Kim T – sinh ngày 21/4/1992 đã có gia đình sống bên nhà chồng.

- Về tài sản chung: chị H và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyễn Thị H nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp ngày 15/01/2018 theo biên lai số 02809 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí hôn nhân gia đình chị H phải nộp (chị H đã nộp xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Các đương sự có quyền kháng cáo bản án, quyết định của tòa án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân H Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVAHNGD.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thế Trung

